TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÓC SƠN-TP.HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày 22/6/2021
" V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN-THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Vũ Anh Chi

Ông Nguyễn Đăng Hải

-Thư ký phiên tòa: Ông Tô Ngọc Lâm-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Ông Vương Xuân Hoan -Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 772/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc " Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXX-ST ngày 10 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: **Anh Trần Văn T, sinh năm 1983**
Địa chỉ : Thôn Đ, Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội

2.Bị đơn : **Chị Lê Thị D, sinh năm 1984**
Địa chỉ : Thôn Đ, Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội

Có mặt các bên đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Trần Văn Tuấn trình bày:

-*Về hôn nhân:* Anh và chị Lê Thị D cưới nhau có tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 05/12/2005 tại UBND xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Sau khi cưới, vợ chồng ở chung cùng với gia đình anh .

Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị D sống không có trách nhiệm với gia đình, bỏ bê chồng con. Bản thân anh và gia đình đã nhiều lần góp ý, phân tích hòa giải nhưng chị D không chịu thay đổi cách sống. Cuối năm 2019 anh đã làm đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn nhưng vì nghĩ đến con cái anh lại rút đơn về để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ. Tuy nhiên trong thời gian một năm chị D vẫn tiếp tục lối sống không có trách nhiệm với gia đình, chồng con. Do vậy đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị D.

-*Về nuôi con chung:* Quá trình chung sống vợ chồng anh có 03 con chung là: Trần Quang H, sinh ngày 26/3/2007; Trần Thị Thu H1, sinh ngày 24/10/2008 và Trần Bảo H2, sinh ngày 25/02/2016. Hiện các cháu đang ở với vợ chồng anh. Ly hôn anh đề nghị xin được nuôi ba con và tự đảm nhiệm việc nuôi con.

-*Về tài sản, công sức, nợ và đất sản xuất nông nghiệp:* Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Lê Thị D trình bày tại phiên tòa:

-*Về hôn nhân:* Chị xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn như anh T trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng chị không có mâu thuẫn gì lớn. Nguyên nhân dẫn đến việc anh T làm đơn xin ly hôn là do anh T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, rồi về nhà ruồng rẫy bỏ vợ con. Tại phiên tòa chị xác định chị vẫn còn tình cảm với anh Tuấn nên chị không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên chị thừa nhận vợ chồng chị mặc dù vẫn ở chung nhà nhưng đã sống ly thân được hơn 1 năm nay, không ai quan tâm đến ai.

-*Về nuôi con chung:* Chị xác nhận vợ chồng có 03 con chung như anh T trình bày. Ly hôn nguyện vọng của chị muốn nuôi cả 03 con và chị đề nghị anh Tuấn cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị 3.000.000đ/tháng/3 cháu.

-*Về tài sản, công sức, nợ và đất sản xuất nông nghiệp:* Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

-Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án

cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Xử:

+Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Văn được ly hôn chị Lê Thị D

+Về nuôi con chung: Giao con chung là Trần Quang H, sinh ngày 26/3/2007; Trần Thị Thu H1, sinh ngày 24/10/2008 cho anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao con chung là Trần Bảo H2, sinh ngày 25/02/2016 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng

Ghi nhận sự tự nguyện của các bên không đề nghị giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

+Về tài sản, công sức, nợ, đất sản xuất nông nghiệp: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

+Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Trần Văn T và chị Lê Thị D kết hôn với nhau trên cơ sở có tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 05/12/2005 tại UBND xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh chị sống hạnh phúc được thời gian đầu sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thiếu sự quan tâm chia sẻ với nhau. Tại phiên tòa anh T vẫn giữ nguyên ý kiến đề nghị xin được ly hôn vì anh xác định tình cảm vợ chồng đến nay không còn. Chị D không đồng ý ly hôn vì chị xác định vẫn còn tình cảm với anh Tuấn. Tòa án đã đi xác minh tại gia đình anh chị cũng như chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú được biết, vợ chồng anh chị sống không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, gia đình và chính quyền địa phương cũng đã hòa giải nhiều nhưng quan hệ vợ chồng anh chị vẫn không thay đổi. Mặt khác, năm 2019

anh Tuấn đã có gửi đơn đến Tòa án đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn nhưng sau đó vì nghĩ đến con cái anh T lại rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau xây dựng hạnh phúc, nuôi dạy các con trưởng thành. Tuy nhiên trong suốt một năm kể từ khi rút đơn thì quan hệ của vợ chồng anh chị vẫn không có gì tiến triển, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, vợ chồng mặc dù sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Như vậy có thể thấy cuộc sống hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Tuấn, cho anh được ly hôn chị D là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 03 con chung là Trần Quang H, sinh ngày 26/3/2007; Trần Thị Thu H1, sinh ngày 24/10/2008 và Trần Bảo H2, sinh ngày 25/02/2016. Ly hôn, nguyện vọng của hai anh chị đều xin được nuôi cả ba con.

Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định *" Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ".* Xét hiện nay anh chị đều đi làm có thu nhập ổn định, bản thân gia đình của hai anh chị đều tạo điều kiện về chỗ ở cho hai anh chị nếu anh chị được quyền nuôi con. Như vậy, có thể thấy cả anh T, chị D đều có điều kiện, khả năng nuôi con nên Hội đồng xét xử thấy giao hai cháu H và H1 cho anh Tuấn nuôi dưỡng, còn cháu H2 hiện đang còn nhỏ nên giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật cũng như nguyện vọng của các cháu và các bên tự đảm nhiệm việc nuôi con.

[3]. Về tài sản, công sức, nợ và đất sản xuất nông nghiệp: Tại phiên tòa anh T, chị không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Tuấn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51,56,81, 82,83 Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ các Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T được ly hôn chị Lê Thị D.

2.Về nuôi con chung: Giao hai con chung là Trần Quang H, sinh ngày 26/3/2007 và Trần Thị Thu H1, sinh ngày 24/10/2008 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao con chung là Trần Bảo H2, sinh ngày 25/02/2016 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Tự mỗi bên đảm nhiệm việc nuôi con.

Hai bên được quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3.Về tài sản, công sức, nợ và đất sản xuất nông nghiệp: Không đặt ra xem xét, giải quyết

4.Về án phí: Anh Trần Văn T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, anh được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn theo Biên lai số 0019369 ngày 21/12/2020.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh T, chị D được quyền kháng cáo.

Nơi nhận:
-TAHN
-VKSNDH.Sóc Sơn.
-Chi cục THADS H.Sóc Sơn.
-UBND xã Phú Minh.
-Các đương sự.
-Lưu HS,VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hằng